TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2023
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp "*Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V (Nguyễn Thị V) sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ I, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc V1, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ I, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(Chị V và anh V1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 17/3/2023 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới cho anh chị vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2008, ngày 26/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu tính tình không còn phù hợp nhau, vợ chồng

thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V1 thường đánh đập, chửi mắng chị. Đến đầu năm 2023 chị bỏ đi làm công nhân ở Bình Dương, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V1.

Về con chung: chị và anh V1 có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/3/2011, hiện các con đang sống chung với anh V1, chị V đồng ý anh V1 tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Khi khởi kiện chị V yêu cầu chia tài sản chung là 01 sổ tiết kiệm trị giá 100.000.000 đồng, 02 xe gắn máy trị giá 15.000.000 đồng, các tài sản trên do anh V1 đang quản lý; chị V yêu cầu được nhận số tiền 100.000.000 đồng và 01 chiếc xe gắn máy. Nay chị V xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị V và anh V1 được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và chị V yêu cầu ly hôn anh V1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung chị V và anh V1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/3/2011, hiện các con đang sống chung với anh V1, chị V đồng ý anh V1 tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V1 và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp

luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc V1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Ngọc V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V1. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài sau khi ly thân mà anh chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp với sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị V và anh V1 cư trú; do đó, chị V yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/3/2011, hiện các con đang sống chung với anh V1. Chị V đồng ý cho anh V1 tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng cho con.

Xét việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; về quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với con. Trường hợp, vợ chồng không tự thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Từ khi anh chị ly thân đến nay, các con do anh V1 chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo phát triển bình thường. Nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao 02 con chung cho anh V1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được, chị V không cấp dưỡng cho con. Anh V1 phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị V đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh V1 không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì chị V có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện, chị V yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị V rút lại yêu cầu này, xét, việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị V và anh V1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh V1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V (Nguyễn Thị V).

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu V (Nguyễn Thị V) được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 26/4/2008, của Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho chị V và anh V1 không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho anh V1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày

13/02/2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 24/3/2011 đến thành niên hoặc tự lập được. Chị V không phải cấp dưỡng cho con.

Anh V1 phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị V đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu V.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 2.988.000 đồng theo các biên lai thu số 0006168 và 0006169 ngày 19/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; còn lại 2.688.000 đồng hoàn trả lại cho chị V.

Anh V1 không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền